

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày 05-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên;

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 160/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/HSST-QĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn B**, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1978 tại Vĩnh Phúc; ĐKKHKT: Thôn Diệm Xuân, xã Việt Xuân, huyện VT, tỉnh VT; nghề nghiệp: Nguyên giám đốc Công ty Quyết Tiến; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Hưng và bà Phan Thị Lý (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị Phương và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 19/2015/HSPT ngày 30/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 08/5/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định miễn chấp hành hình phạt tù số 02/2017/QĐ-TA; bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 05/5/2020 đến ngày 05/6/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt

2. **Đỗ V**, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1965 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Số 86 Phố Mới, xã ST, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc Công ty Quyết Tiến; trình độ văn hóa: 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Tinh (đã chết) và bà Phạm Thị Hiên; có vợ Bùi Thị Nhan và có 04 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn B:* Ông Đỗ Hoàng Dương- Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên An Trần Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Trần Văn Quỳnh, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 10, xã LX, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Anh Doãn Văn Kiên, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 12, xã LX, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Vật liệu và Xây dựng Quyết Tiến (viết tắt là Công ty Quyết Tiến), mã số doanh nghiệp: 0200725211, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 27/12/2006, thay đổi lần 4 năm 2010. Trụ sở tại: Thôn Pháp Cỗ, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Công ty có 05 thành viên góp vốn gồm: Nguyễn B, sinh năm 1978, nơi cư trú: Khu 5, Việt Xuân, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc; Đỗ V, sinh năm 1965, nơi cư trú: Số 68 Phố Mới, Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng; Bùi Văn Uy, sinh năm 1975, nơi cư trú: Số 60 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng; Nguyễn Thị Thanh Hà, sinh năm 1963, nơi cư trú: Nhà A1-A2 ngõ 535 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội; Đỗ Văn Chuyên, sinh năm 1974, nơi cư trú: Thôn 9 Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Mỗi thành viên góp 1,4 tỷ đồng tương đương 20% vốn cổ phần. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Blàm Tổng Giám đốc công ty; Đỗ Văn Viện làm Phó Tổng Giám đốc.

Công ty Quyết Tiến được UBND thành phố Hải Phòng cấp phép khai thác khoáng sản theo giấy phép số 247/GP-UBND, ngày 05/02/2010, cho phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Trượt, phía Bắc - Đông Bắc khu B mỏ đá vôi núi Trại Sơn (viết tắt là khu B núi Trại Sơn) thuộc xã Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng với trữ lượng 3.146.022 m³ trong thời hạn 30 năm, công suất khai thác 49.000 m³/năm.

Theo Giấy phép số 247, Công ty Quyết Tiến chỉ được phép khai thác khi có quyết định cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Công ty chưa được UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định cho thuê đất và ký hợp đồng thuê đất để hoạt động khai thác nhưng từ năm 2010 đến năm 2015 Công ty Quyết Tiến vẫn thực hiện hoạt động khai thác, cụ thể sản lượng khai thác được từng năm như sau: Năm 2010: 32.373 m³; Năm 2011: 88.037 m³; Năm 2012: 32.894 m³; Năm 2013: 25.090 m³; Năm 2014: 119.979 m³; Năm 2015: 145.057 m³. Tổng trong 06 năm Công ty Quyết Tiến khai thác được: 443.430 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

1. Tiến hành xác minh tại một số đơn vị liên quan gồm:

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng: Công ty Quyết Tiến chưa được UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định cho thuê đất để hoạt động khai thác khoáng sản. Trước khi khai thác Công ty không thông báo giám đốc điều hành mỏ, ngày bắt đầu khai thác và kế hoạch khai thác với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng.

Xác minh tại Quỹ bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng: UBND huyện Thủy Nguyên ban hành Quyết định số 275/QĐ-CT ngày 18/02/2011, Công ty Quyết Tiến phải nộp số tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường 30 lần, với tổng số tiền là 2.197.061.344 đồng. Công ty Quyết Tiến đã nộp 651.542.330 đồng (nộp 02 lần, ngày 03/7/2014 và 11/3/2016).

Xác minh tại Chi cục bảo vệ môi trường- Sở Tài nguyên và môi trường TP Hải Phòng: Công ty Quyết Tiến đã thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 20.366.000 đồng.

2.2. Sở Công thương thành phố Hải Phòng:

Công ty Quyết Tiến được UBND thành phố Hải Phòng cấp 04 Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp gồm: Số 896/GP-UBND ngày 10/6/2010; số 577/GP-UBND ngày 28/3/2013; số 41/GP- UBND ngày 06/01/2014; số 438/GP- UBND ngày 14/02/2015 và được Sở Công thương cấp 03 Giấy đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 130342013 ngày 03/4/2013; số 0107012014 ngày 07/01/2014 và số 0109032015 ngày 09/3/2015 để thực hiện khai thác khoáng sản tại mỏ khu B núi Trại Sơn, TN, Hải Phòng. Định kỳ 06 tháng và 01 năm Công ty Quyết Tiến có nộp báo cáo tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho Sở Công thương.

Công ty Quyết Tiến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản từ tháng 9/2010 đến tháng 8/2015 thì kết thúc việc khai thác. Công ty Quyết Tiến đã mua vật liệu nổ công nghiệp và phụ trợ đi kèm để khai thác khoáng sản của Tổng Công ty kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng - Bộ Quốc Phòng từ năm 2010 đến năm 2015. Số lượng đã mua và sử dụng là 66.934 kg thuốc nổ; 109.510 kíp điện; 16.500 cái kíp đốt; 15.000 m dây cháy chậm với tổng số tiền là 3.361.082.692 đồng (Ba tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng).

1.3. Xác minh tại Chi Cục thuế huyện Thủy Nguyên: Công ty Quyết Tiến đã kê khai sản lượng khoáng sản đã khai thác là 443.430 m³, đã nộp ngân sách Nhà nước các loại thuế, phí là 11.642.264.000 đồng (*Mười một tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) gồm: Thuế GTGT: 1.961.360.000 đồng; Thuế TNDN: 217.452.000 đồng; Lệ phí môn bài: 16.000.000 đồng; Phạt vi phạm hành chính về thuế: 4.553.000 đồng; Thuế tài nguyên: 5.763.309.000 đồng;

Phí bảo vệ môi trường: 979.529.000 đồng; Tiền cấp quyền KTKS: 1.995.882.000 đồng; Tiền thuê đất: 682.805.000 đồng; Tiền sử dụng đất PNN: 21.374.000 đồng.

Ngày 30/5/2018, Cơ quan CSĐT(PC03)- Công an thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 17/QĐ- PC46(Đ7) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, trưng cầu giám định khoáng sản khai thác đối với khu vực mỏ khai thác của Công ty Quyết Tiến.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp của Tổ giám định tư pháp thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 27/9/2019 và Công văn số 1964/ĐCKS-VP ngày 28/7/2020 của Tổng cục địa chất và khoáng sản Việt Nam xác định:

- Khối lượng khoáng sản tại mỏ khu B núi Trại Sơn của Công ty Quyết Tiến đã khai thác tính đến tháng 11/2018 là 2.859.716 m³ đá nguyên khối, trong đó khai thác trên cốt +5m là 2.784.756 m³, khai thác dưới cốt +5m là 74.960 m³.

- Công ty báo cáo khai thác được 443.430 m³ đá nguyên khai tương đương 316.453 m³ đá nguyên khối. Khối lượng khai thác chênh lệch tại mỏ theo số liệu đo đạc thực tế và số liệu theo báo cáo của Công ty là: 2.543.263 m³ đá nguyên khối.

Kết quả định giá tài sản: Bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL- HĐĐG ngày 09/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hải Phòng, kết luận xác định 01m³ đá do Công ty Quyết Tiến khai thác có giá tính thuế tài nguyên như sau:

- Từ tháng 02/2010 đến tháng 12/2010: Không xác định giá.
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 3/2011: 23.132 đồng/m³.
- Từ tháng 4/2011 đến tháng 12/2017: 60.000 đồng/m³
- Từ tháng 01/2018 đến tháng 11/2018: Không xác định giá.

2. Tại Cơ quan điều tra, các bị can khai:

- Bị can Nguyễn Bkhai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên và khai: Công ty Quyết Tiến do Ba và Viện điều hành, trong đó Ba làm Tổng giám đốc điều hành chung mọi hoạt động của công ty, Viện là Phó Tổng giám đốc giúp Ba và điều hành công ty khi Ba vắng mặt. Các thành viên góp vốn còn lại gồm Bùi Văn Uy, Nguyễn Thị Thanh Hà, Đỗ Văn Chuyên không tham gia điều hành, không làm gì tại Công ty. Đối với Nguyễn Thị Thanh Hà đã tặng phần vốn của Hà cho Ba vào ngày 18/12/2011. Ba là người làm các thủ tục xin giấy phép khai thác và hoàn thiện các thủ tục để đưa mỏ vào khai thác, Viện được giao giúp Ba và phụ trách việc khai thác tại mỏ.

Giám đốc điều hành khai thác mỏ của Công ty Quyết Tiến tại khu B núi Trại Sơn các thời kỳ gồm: Trần Quốc Huy làm từ năm 2010 đến năm 2011, Nguyễn Tô

Hoài làm việc từ 01/02/2011 đến tháng 6/2012. Trần Văn Quỳnh từ năm 6/2012 đến tháng 2/2014. Doãn Văn Kiên làm từ năm 2014 đến tháng 3/2016.

Tuy chưa được UBND thành phố Hải Phòng cho thuê đất để hoạt động khoáng sản nhưng từ năm 2010 đến năm 2015 Công ty Quyết Tiến vẫn thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản, kết quả: Năm 2010: 32.373 m³; Năm 2011: 88.037 m³; Năm 2012: 32.894 m³; Năm 2013: 25.090 m³; Năm 2014: 119.979 m³; Năm 2015: 145.057 m³. Trong 06 năm Công ty Quyết Tiến khai thác được: 443.430 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Nguyễn Bnhận thức được việc đưa mỏ Khu B núi Trại Sơn vào khai thác khi chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất là sai, vi phạm pháp luật, chỉ có Ba và Đỗ Văn Viện biết, các thành viên góp vốn khác không biết. Ba giải thích lý do vi phạm là do Công ty Quyết Tiến gặp nhiều khó khăn và muốn tạo việc làm cho người địa phương.

Hoạt động kinh doanh khai thác đá của Công ty Quyết Tiến tại mỏ khu B núi Trại Sơn có lợi nhuận song công ty không chia lợi nhuận mà dùng số tiền đó đầu tư lại công ty để mua máy móc, trang thiết bị. Công ty chưa hạch toán và chia lợi nhuận lần nào.

Công ty đã bán đá khai thác, thu được 25.290.792.176 đồng và đã chi:

+ Chi nộp thuế, phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác, tiền thuê đất, tiền ký quỹ, tiền sử dụng đất phi nông nghiệp đã chi: 12.314.172.330 đồng.

+ Chi mua vật liệu nổ: 3.361.082.692 đồng.

+ Chi đền bù giải phóng mặt bằng: 102.634.203 đồng.

+ Chi nhân công khai thác: 5.760.000.000 đồng.

Số tiền Công ty Quyết Tiến thu lợi bất chính từ việc khai thác khoáng sản trái phép là 3.752.902.951 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm năm mươi hai triệu, chín trăm linh hai nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*)

- Bị can Đỗ Văn Viện khai phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với lời khai của bị can Nguyễn B và khai: Đỗ Văn Viện là thành viên góp vốn của Công ty Quyết Tiến, được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc công ty. Nhiệm vụ của Viện là chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty khi Nguyễn B vắng mặt và ký một số văn bản kê khai, báo cáo thuế, báo cáo sản lượng khai thác hàng năm gửi cho các cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, Viện còn phụ trách quản lý hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ khu B núi Trại Sơn. Viện biết Công ty Quyết Tiến chưa được UBND thành phố Hải Phòng ký hợp đồng cho thuê đất để hoạt động khai thác khoáng sản, nhận thức việc khai thác như vậy là khai thác trái phép. Lý do vi phạm là do Công ty gặp nhiều khó khăn. Viện đã nộp lại 1 tỷ đồng tiền thu lợi.

3. Lời khai của những người liên quan:

3.1. Lời khai của Bùi Văn Uy, Đỗ Văn Chuyên, Nguyễn Thị Thanh Hà là 3 cổ đông, mỗi người góp 1,4 tỷ đồng tương đương 20% cổ phần, không tham gia điều hành công ty, chỉ biết Nguyễn B là Tổng Giám đốc điều hành trực tiếp hoạt động của Công ty, trong đó có hoạt động khai thác mỏ tại Lại Xuân, Thủy Nguyên. Nguyễn B không trao đổi, thông báo việc Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục thuê đất theo quy định. Từ khi hoạt động đến nay Công ty Quyết Tiến chưa chia lợi nhuận gì. Riêng Nguyễn Thị Thanh Hà, đã tặng vốn góp cho Nguyễn B năm 2011.

3.2. Nguyễn Tô Hoài, sinh năm 1975, nơi cư trú: Yên Sơn, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh, là Giám đốc điều hành mỏ tại Công ty Quyết Tiến từ ngày 01/2/2011 đến tháng 6/2012. Khi đến làm việc Công ty đang khai thác, Hoài chỉ được xem thiết kế kỹ thuật, Hoài có hỏi thủ tục pháp lý thì Viện nói không đề ở Công ty nên Hoài không rõ Công ty đã hoàn thiện thủ tục thuê đất hay chưa. Việc thông báo ngày bắt đầu khai thác, ký quỹ phục hồi môi trường và nộp thiết kế mỏ Hoài không nắm được vì do lãnh đạo Công ty quản lý. Đến tháng 5/2012, các sở Ban ngành kiểm tra và nhắc nhở Công ty Quyết Tiến hoàn thiện thủ tục thuê đất để khai thác khoáng sản. Lúc này Hoài biết Công ty chưa có thủ tục thuê đất nên đến tháng 6/2012, Hoài đã nghỉ việc.

3.3. Trần Văn Quỳnh, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn 10, Lại Xuân, TN, Hải Phòng, khai: Từ tháng 6/2012 đến tháng 2/2014 Quỳnh làm Giám đốc điều hành mỏ kiêm chỉ huy nổ mìn tại mỏ Khu B núi Trại Sơn. Quá trình làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn B là Tổng Giám đốc và Đỗ V - Phó Tổng giám đốc Công ty. Quỳnh không biết Công ty Quyết Tiến khai thác khoáng sản mà không có Quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất của UBND thành phố Hải Phòng. Việc khai thác khoáng sản của Công ty Quyết Tiến đúng thiết kế mỏ, còn các nội dung ký quỹ phục hồi môi trường, thông báo ngày bắt đầu khai thác Quỳnh không rõ vì các thủ tục đó đều do lãnh đạo đơn vị thực hiện.

3.4. Doãn Văn Kiên, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn 12, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng, khai: Kiên làm giám đốc điều hành mỏ cho Công ty Quyết Tiến tại mỏ Khu B núi Trại Sơn, từ năm 2014 đến tháng 9/2016 thì nghỉ việc. Kiên biết Công ty chưa được UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất để hoạt động khoáng sản từ ngày 02/4/2015 vì Kiên mang bộ hồ sơ xin thuê đất nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng, sau đó Kiên vẫn tiếp tục thực hiện khai thác đến tháng 9/2015. Kiên nhận thức được việc khai thác khoáng sản khi chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất là sai, vi phạm pháp luật nhưng do hoàn cảnh khó khăn, chỉ là người làm thuê nên vẫn thực hiện việc khai thác khoáng sản.

Thông kê hộ chiếu nổ mìn từ thời điểm Kiên biết việc Công ty Quyết Tiến chưa hoàn thiện thủ tục thuê đất ngày 02/4/2015 đến ngày 15/8/2015 thì tạm dừng khai thác, xác định sản lượng đá trong thời gian này khai thác được là 14.976 m³.

Giá trị khoáng sản tại thời điểm này là: 898.560.000 đồng. Số tiền lương Kiên được hưởng trong thời gian này là 54 triệu đồng (6 tháng x 9 triệu đồng/tháng = 54 triệu đồng).

3.5. Vũ Thị Kiều Oanh, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn 6, Lại Xuân, TN, Hải Phòng và Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn 3, Thủy Sơn, TN, Hải Phòng, là kế toán của Công ty Quyết Tiến, Oanh và Ngân không biết việc Công ty hoạt động thiếu thủ tục thuê đất.

*Xác minh tại UBND xã Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng cung cấp: Tại thời điểm trước khi Công ty Quyết Tiến khai thác năm 2010 tại khu B núi Trại Sơn có việc xảy ra khai thác trái phép không, UBND xã không xác định được.

- Từ 2010 đến 9/2015 tại mỏ khu B núi Trại Sơn do Công ty Quyết Tiến khai thác.

- Từ tháng 9/2015 đến nay tại mỏ khu B núi Trại Sơn có việc người dân khai thác trái phép tại khu vực này. UBND huyện Thủy Nguyên và UBND xã Lại Xuân đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính một số trường hợp vi phạm.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT -VKS- P3 ngày 04 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn B, Đỗ V về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn B, Đỗ V đều khai nhận như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đối với số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đều khai sử dụng 1 phần vào mua máy móc thiết bị tái đầu tư, chưa chia lợi nhuận cho các thành viên góp vốn. Mỗi bị cáo đều đã nộp lại số tiền 500.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính còn lại 2.752.902.951 các bị cáo đề nghị được chia đều mỗi người nộp 1/2.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Quynh, Doãn Văn Kiên đều khai được bị cáo Nguyễn B bổ nhiệm làm Giám đốc nhưng thực chất chỉ là người làm thuê được hưởng lương theo tháng, không biết Công ty không đủ thủ tục, không được biết về trị giá khoáng sản khai thác và không được hưởng lợi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử:

1. Bị cáo **Nguyễn B**: Từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Án định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng; giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời

gian thử thách

+ Phạt tiền bổ sung từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước

- Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử:

2. Phạt tiền bị cáo **Đỗ V**: 1.500.000.000 đồng đến 1.800.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

- Về thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung Ngân sách số tiền 1.000.000.000 đồng

+ Buộc bị cáo Nguyễn B, Đỗ V mỗi người phải nộp tiếp số tiền 1.376.451.475 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo, án phí theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn B vắng mặt có gửi bài bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều khoản Viện kiểm sát truy tố; về mặt chủ quan: Bị cáo có hành vi vi phạm, tuy nhiên Công ty hoạt động được cấp phép hoạt động của UBND thành phố nhưng thiếu thủ tục thuê đất. Bị cáo chỉ nghĩ thiếu thủ tục hành chính, nhận thức việc khai thác là hợp pháp nên bị cáo vẫn cho Công ty hoạt động. Trong quá trình khai thác Công ty nộp đầy đủ các khoản chi phí cho quỹ bảo vệ môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường và các loại thuế, chi phí khác theo quy định pháp luật. Ngoài ra Công ty được UBND thành phố cấp vật liệu nổ để sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Về nhân thân bị cáo sau khi phạm tội bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bản thân bị cáo bị bệnh hiểm nghèo phải thay thận, quá trình điều tra bị cáo tích cực giúp cơ quan điều tra giải quyết nhanh chóng vụ án đúng quy định pháp luật; đã tự nguyện nộp lại 1 phần thu lợi bất chính, gia đình có công với cách mạng, có nơi cư trú rõ ràng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ phân tích trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới mức 36 tháng nhưng cho hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn B xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Đỗ V xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:* Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định; người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2010 đến năm 2015, Nguyễn Blà Tổng Giám đốc và Đỗ Văn Viện – Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và vật liệu Quyết Tiến, trụ sở tại: Thôn Phác Cỏ, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, đã tiến hành khác thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, tại khu núi Trượt, phía Bắc – Đông Bắc khu B, mỏ đá vôi núi Trại Sơn, thuộc xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, thu được 443.430m³, có giá trị 25.290.792.176 đồng (bao gồm 32.373m³ đá khai thác năm 2010 chuyển sang năm 2011 mới bán, tính theo giá tháng 1-3/2011 là 23.132 đồng/m³; 3.295m³ của 3 tháng đầu năm 2011 giá 23.132đồng/m³; 84.742 m³ của 9 tháng năm 2011, giá 60.000đ/m³; 323.020m³ của các năm 2012, 2013, 2014 và 2015 giá 60.000đồng/m³). Đã khai thác vượt công suất theo nội dung giấy phép 206.073m³ đá nguyên khai (gồm: năm 2011 vượt 39.037 m³, năm 2014 vượt 70.979 m³, năm 2015 vượt 96.057m³), khai thác khi chưa được cho thuê đất hoạt động khoáng sản, thu lợi bất chính số tiền 3.752.902.951 đồng. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm điểm 2.1; 2.7 Điều 2, Điều 3 Giấy phép khai thác khoáng sản số 247/GP-UBND ngày 05/02/2010 của UBND thành phố Hải Phòng, về việc khai thác không đúng công suất 49.000 m³/năm, khai thác khi chưa có quyết định cho thuê đất.

[2] Vi phạm khoản 1 Điều 31 Luật Khoáng sản năm 2010: “1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai...” và Vi phạm điểm a khoản 3 Điều 94 Luật Đất đai năm 2003 nay là điểm a khoản 3 Điều 152 Luật Đất đai năm 2013: “3. Việc sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản phải tuân theo các quy định sau đây: a) Có giấy phép hoạt động khoáng sản và quyết định cho thuê đất để thăm dò, khai thác khoáng sản hoặc quyết định cho thuê đất để làm mặt bằng chế biến khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ;”

[3] Do đó hành vi của các bị cáo Nguyễn B, Đỗ V bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV và so sánh Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 1999 với Điều 227 Bộ luật Hình sự

năm 2015 xét thấy Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn vì vậy theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo cần áp dụng Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử các bị cáo như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước trong quản lý tài nguyên và môi trường, cụ thể là các hoạt động nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên gây ảnh hưởng đến môi trường, nguồn thu Ngân sách nên cần xét xử nghiêm.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Các bị cáo Nguyễn B, Đỗ V đã có hành vi khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng nhưng không có quyết định cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền và khai thác vượt quá công suất 206.073m³ (Theo giấy cấp phép khai thác khoáng sản số 247/GP-UBND ngày 05/02/2010 với trữ lượng 3.146.022m³, công suất khai thác hàng năm 49.000m³/năm) với trị giá 25.290.792.176 đồng nhằm thu lợi bất chính số tiền 3.752.902.951 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn B, Đỗ V bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về vai trò và hình phạt: Vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò các bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng. Trong vụ án này Nguyễn B là người điều hành chỉ đạo hoạt động của doanh nghiệp, quyết định công suất khai thác nên vai trò cao hơn bị cáo Đỗ V.

[6] Song cũng xét, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Nguyễn B tuy có 01 tiền án nhưng đã được miễn chấp hành hình phạt tù vào năm 2017 tuy nhiên hành vi phạm tội trên của bị cáo xảy ra sau hành vi vụ án này nên không tính để xác định tái phạm. Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại 1 phần thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn B được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc vì có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; bị cáo Viện có ông tham gia kháng chiến chống Mỹ đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[7] Xét tính chất mức độ, vai trò hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn B cao hơn bị cáo Đỗ V nhưng bị cáo Nguyễn B có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, hiện công ăn việc làm ổn định; bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo (thay thận) do đó cần xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự khoan hồng cho bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

[8] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với

bị cáo

[9] Riêng đối với bị cáo Đỗ V có vai trò thứ yếu, sinh ra trong gia đình có công cách mạng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi có cư trú rõ ràng, công ăn việc làm ổn định và có đơn xin áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Vì vậy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Trong khoảng thời gian dài Công ty TNHH vật liệu và Xây dựng Quyết Tiên hoạt động dẫn đến sai phạm có sự buông lỏng quản lý thiếu trách nhiệm của các cơ quan chức năng tại địa phương. Do đó Hội đồng xét xử cần kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng làm rõ các đối tượng có liên quan và các ban ngành quản lý thiếu trách nhiệm dẫn tới gây thất thoát khoáng sản để xử lý theo quy định pháp luật.

- *Về thu lợi bất chính*: Công ty TNHH vật liệu và Xây dựng Quyết Tiên do Nguyễn B làm Tổng Giám đốc đã thu lợi bất chính từ việc khai thác khoáng sản trái phép số tiền 3.752.902.951 đồng chưa chia cho các cổ đông. Trước khi mở phiên tòa các bị cáo mỗi người đã nộp 500.000.000 đồng; đối với số tiền thu lợi bất chính còn lại 2.752.902.951 các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chia đều cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của các bị cáo: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn B, Đỗ V mỗi người phải nộp tiếp số tiền 1.376.451.475 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với các tài khoản của Nguyễn B, Đỗ V: Tại ngân hàng VIB Chi nhánh Thủy Nguyên, Hải Phòng, tài khoản số 017704060056617 của Đỗ Văn Viện, số dư tính đến ngày 06/8/2020 là: 9.420 đồng; Tại ngân hàng BIDV chi nhánh Nam Bình Dương, tài khoản số 65110001848527 của Nguyễn B số dư tính đến ngày bị phong tỏa là 124.974 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản theo Công văn số 1519/CV-PC03 (Đ6) ngày 30/7/2020 và Công văn số 1553/CV-PC03(Đ6) ngày 06/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng.

- *Về xử lý vật chứng*:

[12] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng thu giữ: Số tiền 1.000.000.000 đồng trong đó mỗi bị cáo Nguyễn B, Đỗ V đã nộp 500.000.000 đồng theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 15/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[13] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng còn thu giữ: 35 quyền sở theo dõi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp từ năm 2011-2015; 03 quyền sở đối chiếu tổng hợp xuất nhập vật liệu nổ năm 2010-2011; 15 quyền sở thống kê cấp phát vật liệu nổ công nghiệp; 04 quyền sở đối chiếu tổng hợp xuất nhập vật liệu công nghiệp; 05 quyền sở giao nhận vật liệu nổ công nghiệp; 06 quyền sở phiếu

xuất kho vật liệu nổ công nghiệp; 19 quyền sở hữu xuất vật liệu nổ công nghiệp; 37 tập phiếu xuất đá chưa ghi nội dung gồm: 01 tập phiếu xuất đá máng Quyết - Pháp Cổ; 01 tập phiếu xuất đá máng Nguyễn Văn Thành; 02 tập phiếu xuất đá máng Trần Văn Thiêm; 02 tập phiếu xuất đá máng Nguyễn Văn Say; 03 tập phiếu xuất đá máng Nghĩa - Say An Sơn; 05 tập phiếu xuất đá máng Bùi Văn Hiện; 09 tập phiếu xuất đá máng Ngô Văn Bình; 04 tập phiếu xuất đá chưa ghi đơn vị mua; 09 quyền phiếu chi chưa qua sử dụng; 01 quyền Lệnh xuất vật liệu nổ công nghiệp chưa qua sử dụng; 69 phiếu đã học loại 8m³; 91 phiếu đã học loại 10m³; 04 quyền sở hữu gồm: 01 sổ điện máng; 01 sổ chấm công; 01 sổ theo dõi công văn, tài liệu, hồ sơ công ty; 01 sổ danh sách cấp phát trang bị bảo hộ lao động liên quan đến vụ án cần chuyển vào hồ sơ vụ án.

[14] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a,b khoản 2, khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử:

1. Bị cáo **Nguyễn B**: 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian thử thách là 48 (bốn tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn B cho xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Nguyễn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn B: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước

- Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử:

2. Phạt tiền bị cáo **Đỗ V**: 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

- Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của các đối tượng có liên quan và các ban ngành thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý gây thất thoát khoáng sản cho Nhà nước để xử lý theo quy định pháp luật tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

- *Về thu lợi bất chính*:

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng

+ Buộc bị cáo Nguyễn B, Đỗ V mỗi người phải nộp lại số tiền 1.376.451.475 (một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Hủy bỏ các phong tỏa tài khoản theo Công văn số 1519/CV-PC03 (Đ6) ngày 30/7/2020 và Công văn số 1553/CV-PC03(Đ6) ngày 06/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đối với các tài khoản của Nguyễn B, Đỗ V: Tại ngân hàng VIB Chi nhánh Thủy Nguyên, Hải Phòng, tài khoản số 017704060056617 của Đỗ Văn Viện, số dư tính đến ngày 06/8/2020 là: 9.420 đồng; Tại ngân hàng BIDV chi nhánh Nam Bình Dương, tài khoản số 65110001848527 của Nguyễn Bsô dư tính đến ngày bị phong tỏa là 124.974 đồng

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Chuyển vào hồ sơ vụ án: 35 quyền sở theo dõi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp từ năm 2011-2015; 03 quyền sở đối chiếu tổng hợp xuất nhập vật liệu nổ năm 2010-2011; 15 quyền sở thống kê cấp phát vật liệu nổ công nghiệp; 04 quyền sở đối chiếu tổng hợp xuất nhập vật liệu công nghiệp; 05 quyền sở giao nhận vật liệu nổ công nghiệp; 06 quyền sở phiếu xuất kho vật liệu nổ công nghiệp; 19 quyền sở lệnh xuất vật liệu nổ công nghiệp; 37 tập phiếu xuất đá chưa ghi nội dung gồm: 01 tập phiếu xuất đá máng Quyết - Pháp Cỏ; 01 tập phiếu xuất đá máng Nguyễn Văn Thành; 02 tập phiếu xuất đá máng Trần Văn Thiêm; 02 tập phiếu xuất đá máng Nguyễn Văn Say; 03 tập phiếu xuất đá máng Nghĩa - Say An Sơn; 05 tập phiếu xuất đá máng Bùi Văn Hiện; 09 tập phiếu xuất đá máng Ngô Văn Bình; 04 tập phiếu xuất đá chưa ghi đơn vị mua; 09 quyền phiếu chi chưa qua sử dụng; 01 quyền Lệnh xuất vật liệu nổ công nghiệp chưa qua sử dụng; 69 phiếu đã học loại 8m³; 91 phiếu đá học loại 10m³; 04 quyền sở gồm: 01 sổ điện máng; 01 sổ chấm công; 01 sổ theo dõi công văn, tài liệu, hồ sơ công ty; 01 sổ danh sách cấp phát trang bị bảo hộ lao động (Theo biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 09/12/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

